TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lâm, ngày 08 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: chị T, sinh ngày 28/8/1993; Nơi cư trú: xóm N, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

- Bị đơn: anh T1, sinh ngày 10/10/1989; Nơi cư trú: xóm N, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[2]. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh T1 thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- *Về Con chung:* Chị T và anh T1 có 02 (Hai) người con chung, tên gọi cụ thể:

1. T2, sinh ngày 15/8/2012;

2. Y, sinh ngày 06/11/2014;

Hiện nay các cháu đang sống chung với bố (anh T1) tại xóm N, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Khi ly hôn chị T và anh T1 cùng tự thỏa thuận, thống nhất, nhất trí và dựa trên nguyện vọng của các cháu, để cho bố (anh T1) là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2. Để cho mẹ (chị T) là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị T và anh T1 có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị T và anh T1 tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- *Về nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản:* Trong thời gian hôn nhân chị T và anh T1 không vay, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Chị T và anh T1 mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng, án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị T đã tự nguyện nộp thay án phí cho anh T1 số tiền 75.000 đồng, tổng số tiền án phí Hôn nhân và gia đình chị T phải nộp là 150.000 đồng. Chị T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp.

(Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số: 0003563, ngày 14/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng).

Các đương sự đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- VKSND huyện;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Đức Thọ